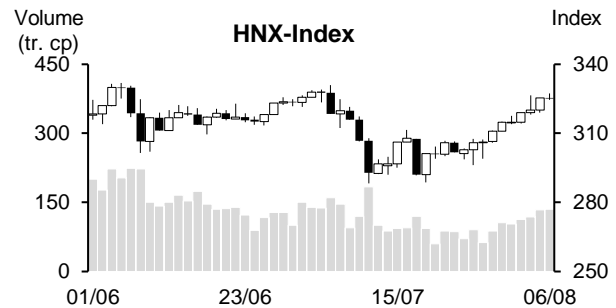
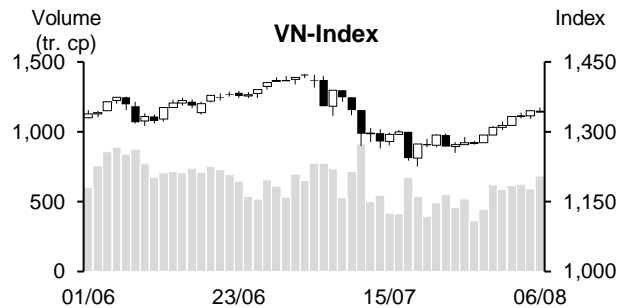


06/08/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,341.45	-0.30%	1,476.79	-0.65%	325.46	0.00%
<b>Tổng KLGD (tr. cp)</b>	<b>734.76</b>	<b>16.33%</b>	<b>218.71</b>	<b>8.11%</b>	<b>171.93</b>	<b>11.49%</b>
<b>KLGD khớp lệnh (tr. cp)</b>	<b>682.08</b>	<b>15.52%</b>	<b>211.70</b>	<b>9.34%</b>	<b>135.41</b>	<b>0.93%</b>
TB 20 phiên (tr. cp)	547.75	24.52%	204.25	3.65%	101.54	33.36%
<b>Tổng GTGD (tỷ VND)</b>	<b>22,366.61</b>	<b>18.12%</b>	<b>11,126.43</b>	<b>11.14%</b>	<b>4,451.88</b>	<b>15.03%</b>
<b>GTGD khớp lệnh (tỷ VND)</b>	<b>20,666.94</b>	<b>17.87%</b>	<b>10,508.31</b>	<b>13.72%</b>	<b>3,234.98</b>	<b>1.77%</b>
TB 20 phiên (tỷ VND)	17,153.32	20.48%	9,587.68	9.60%	2,346.56	37.86%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
<b>Số mã tăng</b>	177	42%	8	27%	109	30%
<b>Số mã giảm</b>	200	48%	20	67%	89	24%
<b>Số mã đứng giá</b>	43	10%	2	7%	171	46%



### ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Mặc dù duy trì sắc xanh trong phần lớn thời gian giao dịch, thị trường có nhịp điều chỉnh trở lại và chầm dứt chuỗi tăng dài 9 phiên liên tiếp khi các cổ phiếu Ngân hàng và Chứng khoán hứng chịu đợt bán mạnh vào cuối phiên. Tuy nhiên, vẫn có những điểm sáng xuất hiện ở một vài nhóm ngành như Bất động sản, Cảng biển hay Nhựa. Thanh khoản thị trường cũng có sự khởi sắc khi tăng lên mức cao nhất trong gần 4 tuần qua hàm ý dòng tiền của các nhà đầu tư đang tiến triển khá tốt.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng và ở trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn ở vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số duy trì được đóng cửa trên MA50, cùng với chòm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là phục hồi, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật sau chuỗi tăng điểm dài. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy chỉ số đang vận động với các nền thân thu hẹp dần, cùng với chỉ số tiệm cận dải trên của Bollinger bands, cho thấy áp lực chốt lời có thể sẽ xuất hiện trong những phiên tới. Do đó, không loại trừ chỉ số sẽ cần một nhịp vận động rung lắc giằng co quanh vùng MA50 trong các phiên tới nhằm tích lũy thêm động lực trước khi tiếp diễn xu hướng chính. Nền vận động có thể trong khu vực hẹp quanh vùng 1,330-1,350 điểm (quanh MA50). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có một phiên đứng giá. Chỉ số vẫn giữ được mức đóng cửa trên MA20, cùng với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi ngắn hạn đang tiếp diễn, chỉ số vẫn còn cơ hội hướng lên thử thách ngưỡng 330 điểm (đỉnh cũ). Nhìn chung, phiên giảm điểm 6/8 có thể chỉ nằm trong nhịp rung lắc kỹ thuật. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp rung lắc để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, kết quả kinh doanh quý 2 tăng trưởng tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

Cổ phiếu khuyến nghị: VGC (Bán)

Cổ phiếu quan sát: VCR, DIG, MCM

(Xem chi tiết ở trang 2)

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT****Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VGC	Bán	09/08/21	29.85	29.5	1.2%	35	18.6%	27.9	-5.4%	Cổ phiếu quay lại trạng thái giằng co tích lũy

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VCR	Quan sát mua	09/08/21	22.6	26-26.5	Xuất hiện nến tăng kèm vol tăng trở lại khi đang trong vùng tích lũy -> khả năng sớm có phiên break
2	DIG	Quan sát mua	09/08/21	29.05	33	Nền break vùng sideway dài hạn từ đầu năm kèm vol tăng mạnh gần đây -> khả năng đang bước vào xu hướng tăng mới, có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 28-28.5
3	MCM	Quan sát mua	09/08/21	48	54-55	Nền tăng tốt kèm vol cao trở lại + MACD hook -> khả năng kết thúc nhịp điều chỉnh, bước vào nhịp tăng vượt MA50

**Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	SJS	Mua	16/07/21	63.1	61.8	2.1%	70	13.3%	59	-5%	
2	STB	Mua	30/07/21	30.3	29.3	3.4%	32.6	11.3%	28.3	-3%	
3	HPG	Mua	02/08/21	48.4	47.3	2.3%	53	12%	44.5	-6%	
4	TDC	Mua	03/08/21	18.9	17.85	5.9%	20.2	13%	17.1	-4%	
5	TV2	Mua	04/08/21	42.85	43.6	-1.7%	47	8%	42.1	-3%	
6	VHM	Mua	05/08/21	113.9	110.5	3.1%	120	9%	107	-3%	
7	GAS	Mua	06/08/21	92.4	93.8	-1.5%	104.5	11%	90	-4%	

**TIN TỨC TRONG NGÀY****Tin trong nước****MBKE: Ngân hàng sẽ được nâng 'room' tín dụng để hỗ trợ kinh tế**

Chứng khoán Maybank Kim Eng (MBKE) có báo cáo cập nhật về ngành ngân hàng đề cập để hỗ trợ kinh tế tăng trưởng mạnh hơn, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cần phải thúc đẩy tăng trưởng tín dụng từ quý IV. Vì vậy, NHNN có thể sẽ phân bổ thêm hạn mức tín dụng cho các ngân hàng (giống năm 2020 khi NHNN đã nới hạn mức tín dụng 2 lần).

Các ngân hàng có hệ số an toàn cao và nền tảng khách hàng tốt sẽ được phân bổ "room" tín dụng cao.

MBKE ước tính tăng trưởng lợi nhuận của các ngân hàng có thể đạt 37% năm nay trong kịch bản lạc quan, 33% trong kịch bản cơ sở (đã điều chỉnh) và 25% trong kịch bản bi quan.

**Kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ tăng 52% so với cùng kỳ 2020**

Theo Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại (Bộ Công Thương), ước tính xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ trong tháng 7 đạt 20 triệu USD, tăng 3,1% so với tháng 6, tăng 47,0% so với cùng kỳ 2020.

Tính chung trong 7 tháng đầu năm, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ đạt 143,7 triệu USD, tăng 52 % so với cùng kỳ 2020. Tính riêng trong 2 tuần từ 6/7 đến 21/7, kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ đạt 9,3 triệu USD, giảm 9,9% so với kỳ trước.

Các mặt hàng xuất khẩu chính trong nhóm gốm sứ mỹ nghệ bao gồm chậu gốm sứ, gốm sứ trang trí, gốm sứ gia dụng và tượng gốm sứ.

**HoSE thông báo chuyển lại những cổ phiếu sang HNX niêm yết**

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo đã nhận được công văn số 4236/UBCK-PTTT hướng dẫn về việc chuyển giao dịch cổ phiếu niêm yết từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) về HoSE ngày 5/8.

Trước đó, vào đầu tháng 3, trước hiện tượng nghẽn lệnh trên hệ thống HoSE, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã ra công văn về chuyển giao dịch cổ phiếu niêm yết từ HoSE sang HNX trên cơ sở doanh nghiệp tự nguyện. Cổ phiếu của công ty chuyển giao dịch tạm thời đưa ra khỏi bộ chỉ số của HoSE.

Việc chuyển giao dịch cổ phiếu về lại HoSE được thực hiện mà không xem xét lại các điều kiện, hồ sơ niêm yết.

Nguồn : NDH

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **FPT chốt quyền tạm ứng cổ tức tiền tỷ lệ 10%**

Công ty FPT (HoSE: FPT) thông báo ngày 17/8 đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 tỷ bằng tiền tỷ lệ 10%, ngày 16/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền.

Với hơn 907 triệu cổ phiếu đang lưu hành, FPT dự chi hơn 907 tỷ đồng để thanh toán cổ tức đợt này. Thời điểm thanh toán là 1/9.

Về kế hoạch 2021, doanh nghiệp lên kế hoạch doanh thu 34.720 tỷ đồng, tăng 16,4% so với thực hiện 2020; lợi nhuận trước thuế 6.210 tỷ đồng, tăng 18%. Cổ tức dự kiến chi trả bằng tiền tỷ lệ 20%.

Nửa đầu năm, FPT báo cáo doanh thu đạt 16.228 tỷ đồng và lãi ròng 1.906 tỷ đồng, cùng tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Doanh nghiệp thực hiện được 47% chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm.

### **SMC huy động 200 tỷ đồng trái phiếu, bảo đảm bằng cổ phiếu NKG và SMC**

Công ty Đầu tư Thương mại SMC (HoSE: SMC) vừa thông báo đã bán 200 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ kỳ hạn 3 năm với lãi suất cố định 8,2% được trả cuối kỳ, định kỳ 6 tháng một lần. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền.

Tài sản đảm bảo là toàn bộ 9,1 triệu cổ phiếu Thép Nam Kim (HoSE: NKG) thuộc sở hữu của SMC và 4 triệu cổ phiếu SMC. Hai nhà đầu tư tổ chức nước ngoài đã mua hết 200 tỷ đồng trái phiếu. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về kết quả kinh doanh, doanh thu thuần quý II tăng 62% lên 5.950 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 502 tỷ đồng, gấp 11 lần cùng kỳ năm trước và tiếp tục lập kỷ lục mới. Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt 11.020 tỷ đồng, tăng 55%; lãi ròng ở mức 710 tỷ, gấp 13 lần cùng kỳ năm trước. Với kết quả đó, công ty vượt 149% kế hoạch lợi nhuận năm.

### **Ghi nhận doanh thu, Nhà Từ Liêm lãi quý II tăng 21%**

CTCP Phát triển Đô thị Từ Liêm (Nhà Từ Liêm - HoSE: NTL) công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý II với doanh thu thuần tăng 8%, lợi nhuận sau thuế tăng 21%, lần lượt đạt 109,5 tỷ đồng và 51,4 tỷ đồng.

Lũy kế 6 tháng, công ty đạt doanh thu thuần 195,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 64,7 tỷ đồng, tăng lần lượt 12% và 19% cùng kỳ năm trước. So với kế hoạch năm, công ty hoàn thành 24% doanh thu và 23% lợi nhuận.

Tính đến cuối kỳ, hàng tồn kho hơn 1.237 tỷ đồng, tăng 80 tỷ đồng so với đầu năm, chủ yếu là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại một số dự án như Dịch Vọng, Khu đô thị mới Bắc Quốc lộ 32 (Hà Nội), Khu 23 ha TP Hạ Long (Quảng Ninh)...

Nguồn : NDH

**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG****Thống kê giao dịch khớp lệnh****TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VHM	113,900	1.97%	0.14%
BCM	44,700	6.94%	0.06%
VNM	87,200	0.69%	0.02%
PLX	52,900	0.95%	0.01%
DIG	29,050	4.68%	0.01%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
SHB	29,000	0.69%	0.09%
PAN	27,800	4.91%	0.06%
PHP	25,100	3.29%	0.06%
CAV	64,500	7.50%	0.06%
DXS	27,900	2.57%	0.06%

**TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VCB	98,100	-1.31%	-0.10%
VPB	60,600	-1.94%	-0.06%
GAS	92,400	-1.49%	-0.05%
GVR	34,200	-1.87%	-0.05%
TCB	51,800	-1.33%	-0.05%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VND	50,100	-2.15%	-0.11%
SHS	42,300	-3.20%	-0.07%
MBS	30,600	-2.86%	-0.06%
THD	209,800	-0.24%	-0.04%
VCS	120,000	-0.83%	-0.04%

**TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
STB	30,300	-2.42%	30,921,200
FLC	11,600	1.31%	26,259,100
HPG	48,400	-0.82%	20,101,800
CTG	34,150	-0.15%	18,941,900
DIG	29,050	4.68%	17,865,900

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHB	29,000	0.69%	23,978,909
PVS	25,300	-0.39%	12,263,902
VND	50,100	-2.15%	11,115,850
CEO	9,000	3.45%	7,417,671
SHS	42,300	-3.20%	6,388,332

**TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
VHM	113,900	1.97%	1,272.0
HPG	48,400	-0.82%	978.8
STB	30,300	-2.42%	949.8
SSI	56,400	-1.91%	938.1
TCB	51,800	-1.33%	844.2

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
SHB	29,000	0.69%	690.1
VND	50,100	-2.15%	562.3
PVS	25,300	-0.39%	315.5
SHS	42,300	-3.20%	275.1
MBS	30,600	-2.86%	125.8

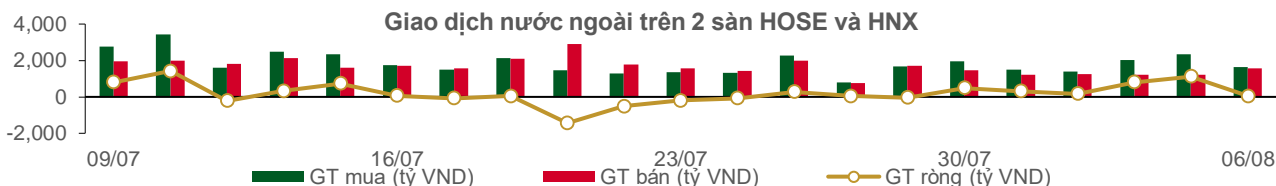
**Thống kê giao dịch thỏa thuận****TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
VHM	3,500,000	377.70
MSB	12,060,000	348.71
GEX	10,967,769	251.46
FPT	991,500	99.67
TCB	1,614,300	87.97

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
IDC	19,093,700	641.55
PVI	14,054,512	491.91
KKC	1,720,202	60.21
APS	971,000	11.75
TAR	470,000	6.63

**Thống kê giao dịch khối ngoại**

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	27.91	1,099.66	27.23	1,064.25	0.68	35.42
HNX	15.36	523.70	15.42	519.28	(0.07)	4.42
<b>Tổng 2 sàn</b>	<b>43.27</b>	<b>1,623.36</b>	<b>42.65</b>	<b>1,583.53</b>	<b>0.61</b>	<b>39.84</b>



**TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
SSI	56,400	2,233,500	127.85
STB	30,300	3,748,000	115.39
FPT	96,600	992,000	99.72
HPG	48,400	1,785,300	86.82
VNM	87,200	784,700	68.64

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
PVI	38,500	14,054,912	491.92
DXS	27,900	756,000	21.03
VND	50,100	52,500	2.68
PAN	27,800	56,200	1.57
SHB	29,000	44,532	1.29

**TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VNM	87,200	1,711,200	149.60
FPT	96,600	991,500	99.67
VRE	27,950	2,955,900	82.73
GAS	92,400	746,900	69.69
TCB	51,800	894,300	50.17

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
PVI	38,500	14,055,212	491.93
VND	50,100	145,900	7.40
PVS	25,300	280,550	7.18
BVS	28,900	161,700	4.74
CEO	9,000	120,000	1.10

**TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SSI	56,400	2,035,900	116.57
STB	30,300	3,253,400	100.18
HPG	48,400	1,451,800	70.60
DXG	23,100	1,206,000	27.87
MBB	29,650	732,100	21.86

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
DXS	27,900	756,000	21.03
SRA	7,900	159,800	1.26
SHB	29,000	40,432	1.17
PAN	27,800	30,100	0.84
TVB	16,700	35,000	0.59

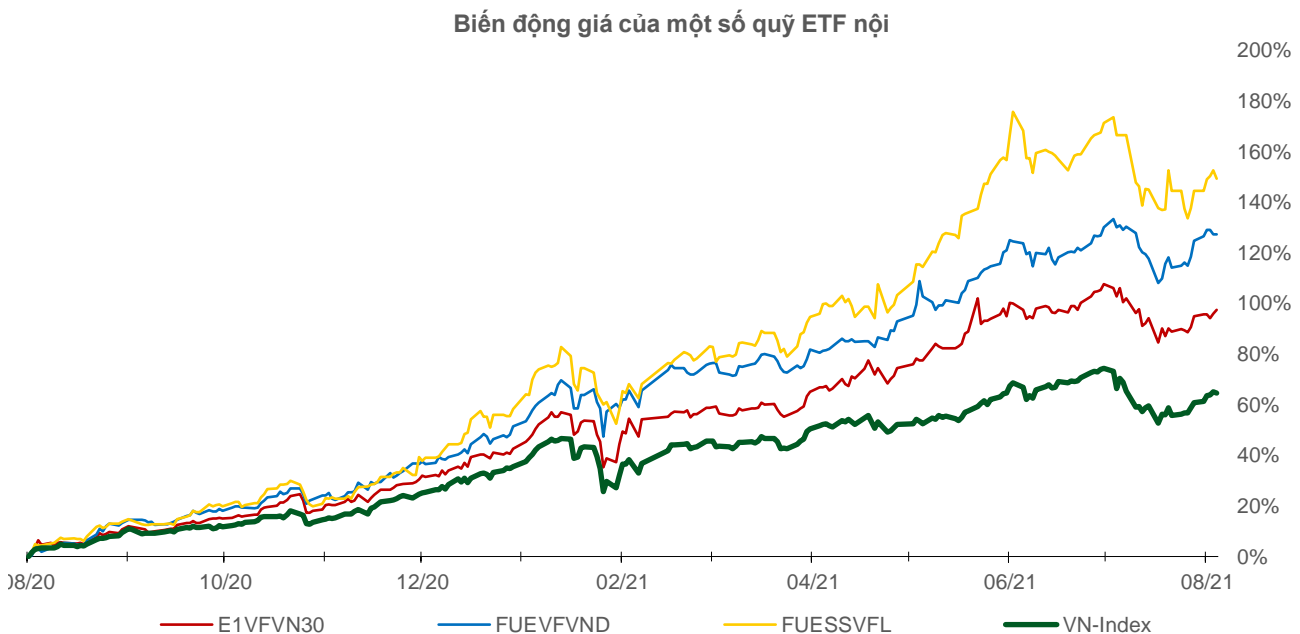
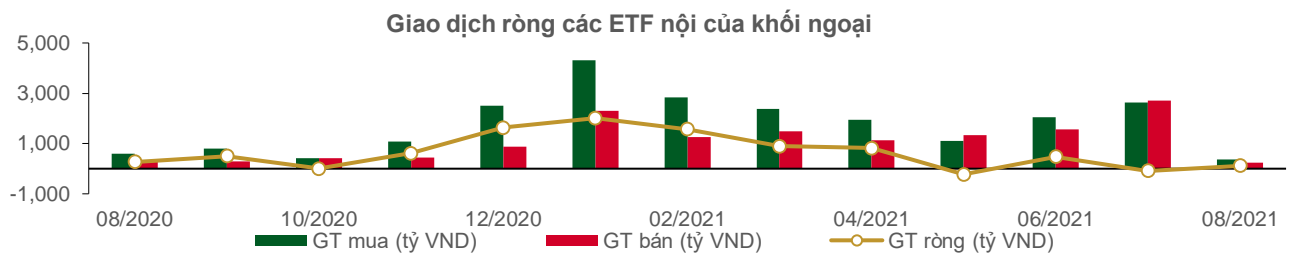
**TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VNM	87,200	(926,500)	(80.96)
GAS	92,400	(661,600)	(61.74)
VRE	27,950	(1,787,600)	(49.99)
VIC	113,300	(294,700)	(33.70)
DIG	29,050	(1,020,800)	(30.18)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
PVS	25,300	(279,250)	(7.14)
VND	50,100	(93,400)	(4.72)
BVS	28,900	(151,500)	(4.44)
CEO	9,000	(120,000)	(1.10)
KLF	4,100	(262,500)	(1.08)

### Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ					MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI			
Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)	Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	24,920	0.7%	479,700	11.95	E1VFN30	5.86	5.96	(0.10)
FUEMAV30	17,440	-1.5%	426,200	7.40	FUEMAV30	6.23	7.06	(0.82)
FUESSV30	20,850	6.9%	39,200	0.79	FUESSV30	0.12	0.11	0.01
FUESSV50	21,800	2.3%	29,500	0.64	FUESSV50	0.00	0.00	0.00
FUESSVFL	21,500	-1.4%	174,100	3.71	FUESSVFL	0.06	3.44	(3.38)
FUEVFN30	25,800	0.0%	1,040,600	26.92	FUEVFN30	18.80	8.12	10.69
FUEVN100	18,710	0.6%	111,000	2.07	FUEVN100	0.70	1.77	(1.07)
<b>Tổng cộng</b>			<b>2,300,300</b>	<b>53.48</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>31.78</b>	<b>26.45</b>	<b>5.32</b>



## Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2102	6,870	-16.3%	18,210	157	96,600	1,835	(5,035)	90,000	5.0	10/01/2022
CFPT2103	3,690	-16.3%	218,890	154	96,600	704	(2,986)	100,000	5.0	07/01/2022
CHDB2101	2,240	-2.6%	3,120	47	35,000	1,039	(1,201)	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	6,700	-2.9%	6,870	47	48,400	4,837	(1,863)	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2106	8,650	-1.7%	7,750	21	48,400	7,691	(959)	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,350	-10.0%	90,610	6	48,400	1,288	(62)	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,340	-10.7%	87,930	6	48,400	1,272	(68)	43,710	3.7	12/08/2021
CHPG2109	8,400	-12.5%	7,090	157	48,400	885	(7,515)	55,000	1.0	10/01/2022
CKDH2002	4,570	2.9%	40,200	10	41,400	4,601	31	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	3,160	-0.6%	17,040	47	41,400	2,486	(674)	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	6,950	2.7%	14,880	7	41,400	7,301	351	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2102	640	-11.1%	8,290	6	29,650	558	(82)	25,530	7.4	12/08/2021
CMBB2103	3,790	9.9%	230,790	154	29,650	207	(3,583)	34,810	1.5	07/01/2022
CMSN2101	2,500	-2.0%	6,270	47	134,500	1,800	(700)	99,150	19.8	22/09/2021
CMSN2102	1,910	-9.0%	2,270	47	134,500	1,245	(665)	110,160	19.8	22/09/2021
CMSN2103	7,610	-6.1%	2,990	7	134,500	8,015	405	87,250	5.9	13/08/2021
CMWG2104	6,410	-0.3%	13,200	(137)	171,500	(12)	(6,422)	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	5,680	-2.9%	5,920	21	171,500	5,021	(659)	131,500	8.0	27/08/2021
CMWG2106	3,650	-14.1%	85,970	154	171,500	598	(3,052)	180,000	10.0	07/01/2022
CNVL2101	5,170	-0.6%	3,560	47	107,500	4,344	(826)	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	2,500	-3.9%	13,790	52	107,500	1,115	(1,385)	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	2,470	-1.2%	8,770	21	93,500	945	(1,525)	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	3,600	0.6%	20,800	52	93,500	1,037	(2,563)	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2104	2,330	-26.3%	66,340	154	96,200	182	(2,148)	109,000	8.0	07/01/2022
CSBT2101	1,150	-11.5%	5,470	47	19,100	0	(1,150)	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	5,600	-2.6%	8,080	47	30,300	4,181	(1,419)	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2104	8,510	-3.0%	8,150	21	30,300	7,429	(1,081)	22,900	1.0	27/08/2021
CSTB2105	7,830	-21.5%	41,180	157	30,300	2,460	(5,370)	30,000	1.0	10/01/2022
CTCB2101	23,600	-1.7%	4,520	60	51,800	20,912	(2,688)	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2104	4,500	-16.5%	11,700	21	51,800	3,029	(1,471)	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	50	25.0%	35,770	10	18,850	(0)	(50)	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	650	3.2%	3,610	47	18,850	0	(650)	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	40	-33.3%	17,350	7	18,850	(0)	(40)	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	30	-40.0%	65,920	6	18,850	0	(30)	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	2,400	4.8%	12,400	47	113,900	463	(1,937)	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2105	1,190	25.3%	47,710	7	113,900	1,056	(134)	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	260	-16.1%	31,840	6	113,900	(0)	(260)	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,500	-16.7%	10,500	47	113,300	0	(1,500)	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,230	-14.6%	14,430	52	113,300	(0)	(1,230)	165,900	20.0	27/09/2021
CVIC2104	2,490	-10.1%	109,720	154	113,300	251	(2,239)	124,000	10.0	07/01/2022
CVNM2101	550	0.0%	8,870	47	87,200	(0)	(550)	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2104	520	10.6%	7,850	38	87,200	0	(520)	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	580	0.0%	33,850	52	87,200	0	(580)	117,930	19.8	27/09/2021
CVNM2106	4,400	-21.4%	12,030	160	87,200	159	(4,241)	100,000	5.0	13/01/2022
CVNM2107	1,690	-15.1%	84,910	154	87,200	97	(1,593)	98,000	10.0	07/01/2022
CVPB2104	4,610	-19.1%	10,720	21	60,600	3,887	(723)	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2101	710	-19.3%	10,380	47	27,950	0	(710)	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2104	40	-20.0%	25,030	7	27,950	(0)	(40)	34,300	2.0	13/08/2021

(\*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(\*\*) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes



## DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
STK (New)	HOSE	45,000	45,300	30/07/2021	239	2,835	15,598	18%	12%	16.0	2.9
PNJ (New)	HOSE	96,200	112,600	29/07/2021	1,411	6,203	27,067	23%	15%	18.2	4.2
TCM (New)	HOSE	76,000	65,800	28/07/2021	285	4,595	29,994	15%	9%	14.3	2.2
VNM (New)	HOSE	87,200	118,000	28/07/2021	9,988	4,732	16,254	29%	19%	25.9	7.3
SZC (New)	HOSE	44,300	45,800	26/07/2021	254	2,543	13,930	18%	4%	18.0	3.3
KDC	HOSE	61,900	74,000	23/07/2021	594	2,169	33,140	8%	4%	34.1	2.8
VHC	HOSE	41,800	49,500	22/07/2021	820	4,471	30,346	15%	11%	11.1	1.6
FRT	HOSE	38,900	39,000	21/07/2021	86	1,086	15,486	7%	1%	35.9	2.5
DGW	HOSE	155,000	155,000	19/07/2021	448	10,128	35,337	29%	12%	15.3	4.4
PVI	HNX	38,500	39,777	16/07/2021	928	3,964	32,723	12%	4%	10.0	1.2
VIB	HOSE	41,700	46,400	15/07/2021	5,546	3,571	18,001	2%	24%	13.0	2.6
BMI	HOSE	40,300	42,800	13/07/2021	310	3,395	26,601	13%	5%	12.6	1.6
DXG	HOSE	23,100	32,300	09/07/2021	1,390	1,727	14,784	13%	5%	18.7	2.1
DHC	HOSE	90,000	109,000	08/07/2021	497	8,868	31,698	28%	18%	12.3	3.4
GMD	HOSE	48,300	54,800	07/07/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	31.5	2.5
GVR	HOSE	34,200	40,200	05/07/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1
HPG	HOSE	48,400	64,800	02/07/2021	28,065	1,042	18,845	33%	18%	10.4	3.4
TPB	HOSE	35,500	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2
KDH	HOSE	41,400	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6
AAA	HOSE	17,050	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0
NLG	HOSE	43,800	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6
VRE	HOSE	27,950	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6
VHM	HOSE	113,900	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2
PHR	HOSE	50,600	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1
KBC	HOSE	35,500	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5
REE	HOSE	54,000	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4
ANV	HOSE	28,800	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4
FMC	HOSE	39,200	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9
MPC	UPCOM	35,732	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6
IMP	HOSE	70,900	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3
DHG	HOSE	95,600	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6
MWG	HOSE	171,500	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8
SAB	HOSE	155,200	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1
MSN	HOSE	134,500	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3
NVL	HOSE	107,500	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5
VGG	UPCOM	42,953	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3
VCB	HOSE	98,100	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6
ACB	HOSE	35,550	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4
TCB	HOSE	51,800	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0
GEG	HOSE	16,500	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7
BMP	HOSE	56,800	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1
CTD	HOSE	65,400	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7
FPT	HOSE	96,600	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5
VGS	HNX	15,600	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4
SMC	HOSE	47,800	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4
ACV	UPCOM	76,886	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7
PLX	HOSE	52,900	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7
SBT	HOSE	19,100	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2
QNS	UPCOM	44,112	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3
GAS	HOSE	92,400	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7
MSH	HOSE	72,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8
ING	HOSE	22,700	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
<a href="#">GIL</a>	HOSE	68,000	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3
<a href="#">BSR</a>	UPCOM	19,664	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2
<a href="#">GTN</a>	HOSE	17,700	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3
<a href="#">LHG</a>	HOSE	52,000	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0
<a href="#">CTR</a>	UPCOM	82,407	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6
<a href="#">POW</a>	HOSE	11,000	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0

Nguồn: PHFM

\* Giá hợp lý chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo

## Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,  
Phường Tân Phú, Quận 7,  
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam,  
157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận  
3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04  
Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung  
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2,  
364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân  
Bình, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,  
127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần  
Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải  
Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby,  
81-83-83B-85 Hàm Nghi,  
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,  
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912